

Bản án số: 210/2021/HNGĐ
Ngày 03.11.2021
Về việc tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Cần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Ngọc Cư

Bà Nguyễn Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân quận T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Ông Lê Khắc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 267/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐ - ST ngày 21/6/2021 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 05/7/2021, 29/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế Phú, sinh năm 1954

HKTT: Số nhà 12, ngách 222/67 đường L, phường K, quận Đ, Thành phố H.

Cư trú: Số 45 phố T, phường V, quận H, Thành phố H (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Hoàng Tuyết M, sinh năm 1955

HKTT: Số nhà 12, ngách 222/67 đường L, phường K quận Đ, Thành phố H.

Cư trú: Số nhà 18, ngách 353/38 đường A, phường P, quận T, Thành phố H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện nộp ngày 19/10/2020 và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thế P trình bày:*

Ông và bà Hoàng Tuyết M kết hôn năm 1977, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND khu Hai Bà Trưng, nay là quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, dần đến xô xát. Đến năm 2016, vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm ông P đã dọn đi nơi khác vì bà M luôn gây sự, chửi bới, đánh ông chảy máu mũi. Hai bên gia đình có biết đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Năm 2017, ông bà đã nộp đơn thuận tình ly

hôn tại Tòa án nhân dân quận Hoàng M nhưng bà M không đến Tòa nên ông đã rút yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Năm 2020, ông P đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận T, sau khi hòa giải ông cũng đã chủ động rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng sau đó vợ chồng cũng không tự giải quyết được mâu thuẫn, bà M vẫn thường xuyên nhục mạ, chửi bới ông. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với bà M để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là:

1. Nguyễn Thế Thắng, sinh ngày 01/10/1977

2. Nguyễn Thanh Loan, sinh ngày 03/6/1987.

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: ông P và bà M đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là Hoàng Tuyết M đã đến Tòa án nhưng từ chối viết giấy tự khai, từ chối để Tòa án lập biên bản lấy lời khai, không nhận thông báo thụ lý vụ án và tự ý bỏ về.*

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn : Quá trình giải quyết bà M không có ý kiến, không trình bày quan điểm.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ xử:

Ông Nguyễn Thế P được ly hôn với bà Hoàng Tuyết Mai;

Con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thế L sinh năm 1977 và Nguyễn Thanh L sinh năm 1987. Các con đã trưởng thành nên không xét.

Tài sản chung, vay nợ: Ông bà đã giải quyết xong, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ông P được miễn tiền án phí theo quy định tại Luật người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà M đăng ký HKTT tại Số nhà 12, ngách 222/67 đường Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Thời điểm hiện tại bà M cư trú tại: Số nhà 18, ngách 353/38 đường An Dương Vương, phường P quận T, Thành phố H. Ông P có đơn xin ly hôn với bà M, căn cứ điểm a, khoản 1,

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo chấp hành nghĩa vụ tố tụng; Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà M đã đến Tòa nhưng từ chối viết giấy tự khai, từ chối để Tòa án lập biên bản lấy lời khai và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Việc bà M cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà M là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung: Ông P và bà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND khu Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội ngày 01/8/1977, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của ông Phú: trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016, mỗi người đã ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Mai.

Ông P đã giao nộp cho Tòa án Quyết định đình chỉ giải quyết số 83/2017 ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai; Quyết định đình chỉ số 169/2020 ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân quận T. Trong nội dung các quyết định đình chỉ đều ghi rõ ông Prút đơn để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện. Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng như lời khai của các đương sự đều xác nhận hiện ông Phú, bà M mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Theo quy luật và sự phát triển bình thường thì những gia đình có cuộc sống hạnh phúc đầm ấm là vợ chồng phải biết quan tâm, thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng tiến bộ hạnh phúc và bền vững. Nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Phú, bà M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà M là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Ông Phú, bà M có 02 con chung là:

1. Nguyễn Thế Thắng, sinh ngày 01/10/1977

2. Nguyễn Thanh Loan, sinh ngày 03/6/1987.

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà M không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Theo Điều 2 - Luật người cao tuổi của Quốc Hội khóa XII, kỳ họp thứ 6 số 39/2009/QH 12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 thì ông Nguyễn Thế P thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 - Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Thế P được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147; 227, 238, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thế P đối với bà Hoàng Tuyết M. Ông P được ly hôn với bà M.

2. Về con chung: Ông P và bà M có 02 con chung là:

1. Nguyễn Thế T, sinh ngày 01/10/1977

2. Nguyễn Thanh L, sinh ngày 03/6/1987.

Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Hoàn trả ông Nguyễn Thế P số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000đ đã nộp theo biên lai số 04212 ngày 04/11/2020 tại chi cục thi hành án dân sự quận T.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND quận T
- Chi cục THADS q.T
- Đương sự

Đào Đức Cần